

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 10 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thành Trung.
2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thông Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2024/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 05/TB-TA, ngày 24 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn H**, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Ngọc Á, sinh năm 1969 (đã chết); vợ: Kpã H1, sinh năm 1988 (sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn). Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2008/HSST ngày 21/5/2008, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt Phan Văn H 07 tháng 09 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/2/2008 (trả tự do tại phiên tòa), hiện đã được xóa án tích.

- Tại Quyết định số 19/2009/HSST-QĐ ngày 24/3/2009, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đình chỉ vụ án đối với Phan Văn H về tội hiếp dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (bị hại có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự);

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2011/HSST ngày 24/01/2011, Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận đã xử phạt Phan Văn H 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2011 (trả tự do tại phiên tòa), hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Anh Lê Đức D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 1, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3 Anh KPă Chương, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn P , xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2023 đến ngày 10/6/2024, Phan Văn H đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 5/2023, Phan Văn H cùng với vợ con đến thuê nhà ở thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận để sinh sống. Ngày 10/5/2023, lợi dụng việc không có ai trông coi diện tích rẫy có khoảng 50 cây tràm ở gần nhà trọ, H nảy sinh ý định kêu người bán lấy tiền tiêu xài nên H tự nhận là rẫy của mình và dẫn ông Lê Đức D đến xem rẫy tràm và bán với giá 14.000.000 đồng (quá trình mua bán không lập giấy tờ vì H không biết chữ nên ông D dùng điện thoại quay lại cảnh hai bên giao nhận tiền), sau khi lấy được tiền thì H đưa vợ con bỏ trốn đến tỉnh Gia Lai. Đến ngày 15/5/2023, ông Lê Đức D thuê người đến cưa toàn bộ số cây tràm mang về nhà để bán lại cho thương lái kiếm lời. Đến chiều ngày 16/5/2023, bà Hoàng Thị T1 phát hiện đám cây tràm của mình đã bị người khác cưa trộm, qua tìm hiểu bà T1 biết được người cưa cây tràm là ông D nên đến gặp nói chuyện thì ông D mới biết rẫy tràm là của bà T1. Việc mua và cưa cây tràm là do bị Phan Văn H lừa đảo nên ông D đã tự nguyện trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho bà T1. Sau đó, biết tin Phan Văn H bị Công an huyện T bắt nên ông D làm đơn tố cáo gửi Công an huyện T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 50 (năm mươi) cây trăm bông vàng được trồng từ năm 2016, đường kính gốc từ 10 đến 30 cm, hiện cây đã được khai thác vào tháng 5/2023 hiện không xác định được giá trị.

Vụ thứ hai: Vào tối ngày 03/01/2024, Phan Văn H đến quán chị Hiao J tại thôn P, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai ngồi chơi thì thấy Kpă C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Sonic 150R biển kiểm soát 81L1-145.37 đến quán ngồi chơi và bấm điện thoại nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Kpă C, H đến nói chuyện rồi rủ Kpă C đến xã I, huyện I thì C đồng ý và điều khiển xe chở H đi. Do biết đường vào Bôn Sô Bah L không có đèn đường và nhà dân sinh sống nên khi đi đến khu vực chợ I thì H nói C cho H điều khiển xe thì C đồng ý, H điều khiển xe đến khu vực không có đèn đường thì dừng xe lại. Lúc này, C xuống đi tiểu thì H nói C đưa H mượn điện thoại nên C đưa điện thoại hiệu Vivo Y21 cho H rồi đi tiểu. Lúc này, H cầm điện thoại rồi nhanh chóng điều khiển xe bỏ chạy về hướng xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai chạy ra Quốc lộ B để đi về tỉnh Đồng Nai. Khi đi đến khu vực đèo cả thuộc tỉnh Phú Yên thì xe hết xăng nên H dẫn bộ một đoạn thì gặp một người đàn ông, do không có tiền nên H bán điện thoại cho người đàn ông này với giá 300.000 đồng để đổ xăng rồi điều khiển xe về huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 06/01/2024, H điều khiển xe đến quán chị Nguyễn Thị H2 ở xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận uống cà phê, khi ra về phát hiện xe bị lủng lốp nên H để nhờ lại quán, do không còn tiền tiêu xài nên H đến nói chuyện xin mượn của chị H2 số tiền 1.500.000 đồng và hứa hai ngày sau sẽ đến trả tiền lấy xe về thì chị H2 đồng ý đưa cho H mượn số tiền 1.500.000 đồng, sau khi lấy được tiền H về nhà dẫn theo chị Kpă H1 (là người sống chung như vợ chồng với Phan Văn H) bỏ trốn đến thôn S, xã S, huyện T thuê nhà trọ ở, không đến trả lại tiền cho chị H2 để chuộc lại xe. Đến ngày 15/01/2024, có 03 người đàn ông đến gặp chị H2 đưa cho H2 số tiền 1.500.000 và xin lấy xe mô tô biển kiểm soát 81L1-145.37 thì chị H2 đồng ý trả xe cho 03 người này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 319/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Sonic 150R biển kiểm soát 81L1-145.37 mua tháng 4/2022 có giá trị là 30.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 mua tháng 7/2022 có giá trị là 700.000 đồng; 01 sim điện thoại số 0976.211.839 mua tháng 3/2023 có giá trị 20.000 đồng và 01 sim điện thoại số 0347.353.453 mua tháng 3/2023 có giá trị 20.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cần định giá là 30.740.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 10/6/2024, Phan Văn H đang ngồi trên xe máy ở lề đường thì thấy chị Nguyễn Thị N đang đi tìm mua phế liệu (ve chai), thấy chị N có ngoại hình dễ thương nên H liền nảy sinh ý định quan hệ tình dục với chị N nên H đến nói dối với N là nhà có nhiều phế liệu cần bán thì chị N đồng ý mua, H cho số điện thoại để chị N liên hệ rồi H chạy xe máy đến gửi ở quán cà phê. Khoảng 30 phút sau chị N điện thoại cho H thì H hẹn gặp ngoài đường rồi đi nhờ xe của chị N và chỉ dẫn chị N đi đến một căn nhà hoang nằm ở sâu trong rẫy trăm thuộc thôn D, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Đến nơi, H đi vào trong nhà ẩn nấp trước, khi chị N dựng xe đi vào nhà thì H bất ngờ lao đến ôm chặt người chị N, chị N vùng vẫy rồi lấy ra một cây viết (dạng viết bi có đầu nhọn) để tự vệ thì H chụp được cây viết của chị N rồi dí đầu bút vào vùng cổ khổng chế chị N bắt phải quan hệ tình dục gây nhiều vết

xây xát da vùng cổ của chị N, chị N hoảng sợ vùng chạy ra phía trước nhà được khoảng 5 mét để gọi điện thoại kêu cứu thì H đuổi theo kẹp cổ chị N làm điện thoại rơi xuống đất, H kéo chị N vào trong đền chặt xuống nền nhà, do quá hoảng loạn chị N chỉ chống cự yếu ớt thì H cởi quần dài, quần lót của chị N ra và tự cởi quần mình xuống qua đầu gối để thực hiện hành vi hiếp dâm chị N rồi xuất tinh ra bên ngoài âm đạo của chị N. Sau khi thực hiện hành vi hiếp dâm, H kéo quần lên đi ra lấy điện thoại di động hiệu Nokia 105 của chị N mang về nhà trọ cất dấu rồi dẫn theo chị Kpã H1 và hai con nhỏ bỏ trốn đến tỉnh Phú Yên thì bị Công an thị xã Đ, tỉnh Phú Yên bắt giữ.

Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục số 43/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 09/7/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh B kết luận:

- Kết quả khám giám định: Bên trong môi bé bên trái vùng ở giữa có 01 tổn thương sây sát, trầy, mất lớp niêm mạc, sung huyết đỏ, tổn thương hình tam giác từ chân màng trinh ra phía ngoài kích thước (1 x 0,7) cm. Đây là tổn thương mới. Màng trinh giãn, có các vết rách cũ tới chân màng trinh ở vị trí 01 giờ, 03 giờ, 05 giờ, 06 giờ và 10 giờ. Vị trí từ 06 giờ đến 08 giờ mất mảnh màng trinh (có chồng và đã sinh con). Đa vết xước da vùng cổ bên phải kích thước: Vết 1: (0,5 x 0,1) cm; Vết 2: (0,8 x 0,1) cm; Vết 3: (1,2 x 0,1) cm; Vết 4: (2,5 x 0,1) cm; Vết 5: (0,5 x 0,2) cm. Đa vết xước da vùng cổ sau kích thước: Vết 1: (4 x 0,1) cm; Vết 2: (1,5 x 0,1) cm; Vết 3: (1,3 x 0,1) cm; Vết 4: (0,7 x 0,1) cm; Vết 5: (1 x 0,1) cm và Vết 6: (1,7 x 0,1) cm. Sây sát da mặt sau khuỷu tay phải kích thước: (6 x 0,7) cm; Sây sát da mặt sau khuỷu tay trái kích thước: (1 x 0,7) cm; Đau, sưng nề vùng trước tai trái.

- Kết quả cận lâm sàng: Xét nghiệm tìm tinh trùng: Không tìm thấy tinh trùng trên que tăm bông; có nhiều tinh trùng tại dấu vết trên quần lót màu xám.

Tại Kết luận giám định số 518/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 14/6/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Thị N:

1. Các kết quả chính

- 05 vết xước da vùng cổ bên phải có kích thước: Vết 1: (0,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 2: (0,8 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 3: (1,2 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 4: (2,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2% và Vết 5: (0,5 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- 06 vết xước da vùng cổ sau kích thước: Vết 1: (4 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 2: (1,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 3: (1,3 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 4: (0,7 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết 5: (1 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2% và Vết 6: (1,7 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Sây sát da mặt sau khuỷu tay phải kích thước: (6 x 0,7) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Sây sát da mặt sau khuỷu tay trái kích thước: (1 x 0,7) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà **Nguyễn Thị N** tại thời điểm giám định là: 23% (Hai ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

+ Các vết xước da vùng cổ bên phải, vùng cổ sau, các vết sây sát mặt sau khuỷu tay phải - trái do vật tày gây ra.

+ Các vết xước da vùng cổ bên phải có chiều hướng lực tác động từ phải sang trái;

Các vết xước da vùng cổ sau có chiều hướng lực tác động từ sau ra trước; Các vết sây sát da mặt sau khuỷu tay phải - trái có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, vỏ màu hồng có giá trị là 63.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 91/CT – VKSND – TL, ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh truy tố bị cáo Phan Văn H về 04 tội gồm: Tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự; tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến đề nghị như sau:

- Khẳng định Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội “Hiếp dâm”, tội “Cướp tài sản”, tội “Cướp giật tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xem xét áp dụng:

Khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Hiếp dâm”.

Khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả bốn tội là từ 15 năm đến 17 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Phan Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Lê Đức D số tiền 14.000.000 đồng và anh Kpă C số tiền 30.740.000 đồng.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, bị hại – chị Nguyễn Thị N, anh KPă C, anh Lê Đức D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Hoàng Thị T1, chị Nguyễn Thị H2 đều vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố đã thu thập đầy đủ lời khai của bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố; Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] *Về hành vi của bị cáo Phan Văn H:* Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra; do đó có đủ căn cứ để xác định được:

[3.1] Khoảng tháng 5/2023, bị cáo Phan Văn H đến thuê nhà ở thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận để sinh sống. Ngày 10/5/2023, lợi dụng việc không có ai trông coi diện tích rẫy có khoảng 50 cây tràm ở gần nhà trọ, bị cáo H nảy sinh ý định kêu người bán lấy tiền tiêu xài nên H tự nhận là rẫy của mình và dẫn anh Lê Đức D đến xem rẫy và bán với giá 14.000.000 đồng, sau khi lấy được tiền thì bị cáo H đưa vợ con bỏ trốn đến tỉnh Gia Lai. Đến ngày 15/5/2023, anh D thuê người đến cưa toàn bộ số cây tràm mang về nhà để bán lại cho thương lái kiếm lời; chiều ngày 16/5/2023, bà Hoàng Thị T1 phát hiện đám cây tràm của mình đã bị người khác cưa, qua tìm hiểu bà T1 biết được người cưa cây tràm là anh D nên đến gặp nói chuyện thì anh D mới biết rẫy tràm là của bà T1. Việc mua và cưa cây tràm là do bị cáo H lừa đảo nên anh D đã tự nguyện trả lại số tiền 14.000.000 đồng cho bà T1. Như vậy, hành vi này của bị cáo Phan Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] Vào tối ngày 03/01/2024, bị cáo Phan Văn H đến quán chị Hiao J ngồi chơi thì thấy anh Kpã C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Sonic 150R biển kiểm soát 81L1-145.37 đến quán ngồi chơi nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C. Bị cáo H đến nói chuyện rồi rủ anh C đến xã I, huyện I; do biết đường vào buôn S không có đèn đường và nhà dân sinh sống nên khi đi đến khu vực chợ I, bị cáo H nói anh C cho bị cáo điều khiển xe, bị cáo điều khiển xe đến khu vực không có đèn đường thì dừng xe lại. Lúc này, anh C xuống đi tiểu thì bị cáo nói anh C đưa bị cáo mượn điện thoại, anh C đưa điện thoại hiệu Vivo Y21 cho bị cáo rồi đi tiểu. Lợi dụng hoàn cảnh này, bị cáo cầm điện thoại rồi nhanh chóng điều khiển xe bỏ chạy. Đến tỉnh Phú Yên thì bị cáo bán điện thoại cho một người đàn ông được giá 300.000 đồng để đổ xăng rồi điều khiển xe về huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 06/01/2024, bị cáo điều khiển xe đến quán chị Nguyễn Thị H2 ở xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận uống cà phê, khi ra về phát hiện xe bị lủng lốp nên bị cáo để nhờ lại quán, do không còn tiền tiêu xài nên bị cáo đến nói chuyện xin mượn chị H2 1.500.000 đồng và hứa hai ngày sau sẽ đến trả tiền lấy xe về thì chị H2 đồng ý. Sau khi lấy được tiền, bị cáo về nhà dẫn theo chị Kpã H1 bỏ trốn đến thôn S, xã S, huyện T thuê nhà trọ ở, không đến trả lại tiền cho chị H2 để chuộc lại xe. Ngày 15/01/2024, có 03 người đàn ông đến gặp chị H2 đưa cho H2 số tiền 1.500.000 và xin lấy xe mô tô biển kiểm soát 81L1-145.37 thì chị H2 đồng ý trả xe cho 03 người này. Như vậy, hành vi này của bị cáo Phan Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.3] Khoảng 08 giờ 30 ngày 10/6/2024, bị cáo Phan Văn H chỉ dẫn chị Nguyễn Thị N đi đến một căn nhà hoang nằm ở sâu trong rẫy tràm thuộc thôn D, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Đến nơi, bị cáo đi vào trong nhà ẩn nấp trước, khi chị N dựng xe đi vào nhà thì bị cáo bất ngờ lao đến ôm chặt, chị N vùng vẫy rồi lấy ra một cây viết bi có đầu nhọn để tự vệ thì bị cáo giật được cây viết, dí đầu bút vào vùng cổ khổng chế chị N bắt phải quan hệ tình dục gây nhiều vết xây xước da vùng cổ, chị N hoảng sợ vùng chạy ra phía trước nhà được khoảng 5 mét để gọi điện thoại kêu cứu thì bị cáo đuổi theo kẹp cổ chị N làm điện thoại rơi xuống đất, bị cáo kéo chị N vào trong đê chặt xuống nền nhà, bị cáo cởi quần dài, quần lót của chị N ra và tự cởi quần mình xuống qua đầu gối để thực hiện hành vi hiếp dâm chị N. Sau khi thực hiện hành vi hiếp dâm, bị cáo kéo quần lên đi ra lấy điện thoại di động hiệu Nokia 105 của chị N mang về nhà trọ cất dấu rồi bỏ trốn. Kết luận giám định xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị N là 23%. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.4] Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh truy tố đối với bị cáo Phan Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn H trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.3] Về hình phạt: Bị cáo Phan Văn H có quá trình nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, quá trình chấp hành án của những bản án trước đây vẫn không thể giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Vậy nên từ khoảng tháng 5/2023 đến tháng 6/2024 bị cáo liên tục có hành vi xâm phạm đến tài sản, nhân phẩm, sức khỏe của người khác; gây hoang mang, bất bình trong dư luận quần chúng tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo với hình phạt thật nghiêm khắc mới đủ sức cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. *Về tổng hợp hình phạt*: Bị cáo Phan Văn H bị xét xử cùng một lần phạm nhiều tội nên áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho các tội là phù hợp.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bồi thường. Riêng anh Lê Đức D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 14.000.000 đồng và anh Kpă C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.740.000 đồng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại. Do đó cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Đức D số tiền 14.000.000 đồng và anh Kpă C số tiền 30.740.000 đồng là phù hợp.

[7] *Về vật chứng trong vụ án*: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím vỏ màu hồng, 01 áo thun ngắn tay màu đỏ trên vai có 02 sọc trắng, 01 áo thun màu xanh dài tay màu xanh sau lưng có chữ DUY BINH, 01 quần dài màu đen, 01 quần lót màu hồng và 01 quần lót màu xám. Tại phiên Tòa, chị N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về vấn đề khác*: Bị cáo Phan Văn H khai nhận không biết việc có ba người đàn ông đến xin chuộc lại xe và chị Nguyễn Thị H2 cũng không biết ba người đàn ông lạ mặt đến trả cho chị số tiền 1.500.000 đồng và lấy xe mô tô biển kiểm soát 81L1-145.37 đi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I, tỉnh Gia Lai và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác minh, truy tìm nhưng chưa xác định được nên tiếp tục điều tra xác minh để xử lý sau, không xem xét giải quyết trong vụ án.

[9] *Về án phí*: Cần buộc bị cáo Phan Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 141, điểm c khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 174 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên

bổ bị cáo Phan Văn H phạm tội “Hiếp dâm”, “Cướp tài sản”, “Cướp giết tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội “Hiếp dâm”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Về tổng hợp hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả bốn tội là **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 11/6/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phan Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Đức D số tiền 14.000.000 đồng và bồi thường cho anh Kpă C số tiền 30.740.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phan Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phan Văn H phải nộp 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phan Văn H phải nộp 1.537.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Bị cáo có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/02/2025).

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật (Đã giải thích quyền kháng cáo).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (đã giải thích quyền kháng cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS:
- Bị cáo; Người bị hại.
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Xuân Hưng-
- Xuân Lộc-Đồng Nai (Thay T/B);
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Hạ Hải Hồ